

NGÔN NGỮ ĐÁNH GIÁ VÀ PHÁN XÉT TRONG VĂN BẢN BÌNH LUẬN VỀ XÃ HỘI TRÊN BÁO CHÍ TIẾNG VIỆT VÀ TIẾNG ANH

LINGUISTIC EXPRESSION OF APPRECIATION AND JUDGMENT IN VIETNAMESE AND ENGLISH NEWSPAPER ARTICLES OF SOCIAL ISSUES

Võ Nguyễn Thùy Trang

Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Đà Nẵng; trangvo2807@gmail.com

Tóm tắt - Bài báo phân tích ngôn ngữ với chức năng đánh giá và phán xét trong văn bản bình luận về xã hội trên báo chí tiếng Việt và tiếng Anh. Với hướng tiếp cận dựa trên Lý thuyết đánh giá (Appraisal Theory) [1], kết hợp cùng phương pháp mô tả các thông tin định tính và định lượng, kết quả cho thấy ngôn ngữ mang giá trị đánh giá và phán xét được sử dụng hiệu quả, phân loại theo năm phạm trù ngữ nghĩa, thể hiện thái độ tích cực và tiêu cực; thể hiện dưới hình thức hiển ngôn và hàm ngôn ở cả hai ngôn ngữ trong đó hình thức hiển ngôn chiếm tỉ trọng cao hơn. Kết quả nghiên cứu sẽ góp phần cung cấp cho người dạy và học ngoại ngữ những kiến thức cơ bản để hiểu và sử dụng chính xác ngôn ngữ đánh giá và phán xét trong đọc hiểu, viết và dịch thuật văn bản bình luận trên báo chí.

Từ khóa - giá trị đánh giá; giá trị phán xét; hiển ngôn; hàm ngôn; bình luận về xã hội

1. Đặt vấn đề

Trong kỉ nguyên hội nhập và trao đổi văn hóa giữa các quốc gia trên toàn cầu, báo chí là kênh truyền tải thông tin không thể thiếu và đóng vai trò hết sức quan trọng. Các thể loại báo chí, đặc biệt là bình luận báo chí thể hiện thái độ rõ ràng trong nội dung thông tin, bày tỏ chính kiến, quan điểm tư tưởng của người viết đối với những vấn đề thời sự thiết yếu, cũng như trích dẫn các quan điểm, thái độ của quần chúng hay nhóm đối tượng cụ thể trước một vấn đề thời sự trong xã hội. Góp phần giải thích, phân tích, tổng hợp để đem đến cho người đọc, người nghe một nhận thức đúng đắn về vấn đề họ đang quan tâm.

Bình luận là thể loại diễn ngôn có những đặc thù riêng. Nhìn từ góc độ của ngôn ngữ học thì thể loại này cần được nghiên cứu một cách thấu đáo hơn nữa về đặc điểm ngôn ngữ được sử dụng. Trong quá trình đọc hiểu văn bản bình luận tiếng Việt và tiếng Anh, nếu độc giả cũng như dịch giả có hiểu biết về ngôn ngữ đánh giá và phán xét thì những đối tượng này có thể lĩnh hội nội dung dễ dàng hơn của diễn ngôn. Theo đó, việc tiến hành khảo sát, phân tích ngôn ngữ mang chức năng đánh giá và phán xét trong văn bản bình luận về xã hội trên báo chí tiếng Việt và tiếng Anh là điều rất cần thiết. Lý thuyết đánh giá *Appraisal Theory* của Martin và White [1] là cơ sở lý luận và định hướng tiếp cận cho bài nghiên cứu với việc đưa ra bộ khung thẩm định ngôn ngữ chi tiết.

Trong ba yếu tố chính của bộ khung thẩm định gồm Thái độ - Attitude; Thỏa hiệp – Engagement; và Thang độ - Graduation, Martin và White đã chỉ ra chức năng “đánh giá và phán xét” là hai phạm trù con của phạm trù Thái độ (Attitude) [1]. Đã có nhiều nghiên cứu về lĩnh vực có liên quan đến phân tích đánh giá nói chung, phân tích ngôn ngữ mang chức năng đánh giá và phán xét nói riêng. Đầu tiên

Abstract - This paper aims at analyzing the use of language expressing Appreciation and Judgment in Vietnamese and English newspaper articles of social issues. In the light of Appraisal Theory [1], the study reveals that Judgment and Appreciation expressions are realized in two and three sub-types respectively; all these expressions can be explicit or implicit with different word classes and scale. The study makes use of both qualitative and quantitative information employing descriptive method. On the basis of the findings, the article puts forward several implications and suggestions on reading comprehension, writing, translating the language of Judgment, Appreciation as well as learning and teaching English through language of Judgment and Appreciation in particular and Appraisal language in general.

Key words - appreciation value; judgment value; explicit; implicit; social newspaper article

phải kể đến các tác giả có uy tín như Rothery và Stenglin [2], với công trình nghiên cứu về vai trò của phân tích thẩm định, ngôn ngữ phán xét trong văn học. Bên cạnh đó, Neviarouskaya, Predinger và Ishizuka [3] cũng khảo sát về cách nhận biết các chức năng biểu cảm, phán xét. Trên bình diện nghiên cứu chức năng đánh giá và phán xét ở góc độ đối chiếu với tiếng Việt, Nguyễn Văn Khôi [4], Trần Thị Ly [5] đã có những bài nghiên cứu về đặc điểm ngữ nghĩa của ngôn ngữ bày tỏ thái độ. Bên cạnh đó, trong luận án tiến sĩ Nguyễn Hồng Sao [6] đã dành một phần so sánh ngôn ngữ đánh giá ở thể loại Tin và Phóng sự, nhưng lại chưa đề cập đến thể loại Bình luận. Trong công trình chuyên khảo về tiếng Việt, Huỳnh Thị Chuyên [7] cũng đã tiến hành phân tích ngôn ngữ bình luận trong các diễn ngôn bình luận báo chí nhưng ở dưới góc độ về quan niệm ngữ pháp chức năng của Halliday [8], bao quát cả ba siêu chức năng ngôn ngữ văn bản.

Điềm qua tất cả các công trình nghiên cứu ở trên, chúng ta có thể thấy vấn đề phân tích ngôn ngữ đánh giá và phán xét trong văn bản bình luận xã hội trên báo chí tiếng Việt và tiếng Anh vẫn chưa được triển khai một cách thấu đáo về vấn đề tổ chức phân bố các đơn vị ngôn ngữ với chức năng thẩm định đánh giá. Vì vậy bài báo hi vọng bổ sung một số phát hiện về đặc điểm ngôn ngữ và chức năng đánh giá - phán xét của ngôn ngữ trong mảng nghiên cứu này.

Các câu hỏi nghiên cứu dưới đây được đặt ra với mục đích khảo sát, phân tích đặc điểm ngôn ngữ mang chức năng đánh giá và phán xét trong văn bản bình luận báo chí tiếng Việt và tiếng Anh:

1. Đặc điểm ngữ nghĩa của ngôn ngữ mang chức năng đánh giá và phán xét trong văn bản bình luận về xã hội trên báo chí tiếng Việt và tiếng Anh thể hiện như thế nào qua các phạm trù của bộ khung đánh giá?

2. Đặc điểm từ vựng của ngôn ngữ mang chức năng đánh giá và phản xét trong văn bản bình luận về xã hội trên báo chí tiếng Việt và tiếng Anh thể hiện như thế nào?

3. Đây là những điểm tương đồng và dị biệt về ngôn ngữ và hình thức thể hiện trong văn bản bình luận về xã hội trên báo chí tiếng Việt và tiếng Anh?

2. Cơ sở lý thuyết

Lý thuyết đánh giá và bộ khung đánh giá ngôn ngữ trong “The Language of Evaluation: Appraisal in English” của Martin và White [1] là cơ sở lý luận cơ bản được vận dụng vào phân tích văn bản trong bài nghiên cứu này. Bởi Thẩm định (Appraisal) được xem là một hệ thống liên nhân ở cấp độ ngữ nghĩa diễn ngôn, kết hợp ý nghĩa liên nhân với hai hệ thống khác là Liên quan (Involvement) và Đàm phán (Negotiation) trong Ngữ học chức năng hệ thống. Theo các học giả, Bộ khung đánh giá bao gồm ba phạm trù chính là Thái độ (Attitude), Thỏa hiệp (Engagement), và Thang độ (Graduation). Cụ thể hơn, phạm trù ngữ nghĩa Thái độ được phân tách thành các trường nghĩa chi tiết là Tác động (Affect), Đánh giá (Appreciation) và Phản xét (Judgment). Ở bài nghiên cứu này, ngôn ngữ mang chức năng đánh giá và phản xét được lựa chọn để phân tích, vì các văn bản bình luận liên quan nhiều hơn đến bài tố chính kiến của tác giả về sự kiện và bị thể thẩm định hơn là mô tả cảm xúc của chính tác thể hay các đối tượng.

2.1. Đánh giá (Appreciation)

Đánh giá gán một giá trị xã hội cho một tình thế cụ thể. Đánh giá bao gồm những đánh giá các hiện tượng, kí hiệu và tự nhiên theo những cách thức trong đó chúng được hoặc không được lượng giá cao trong một lĩnh vực nhất định. Trong phạm trù ý nghĩa về đánh giá, giá trị này cũng được phân nhỏ thành ba trường nghĩa:

- Phản ứng (Reaction): Chỉ ra các trường nghĩa về tác động (Impact) và chất lượng (Quality) gây ra phản ứng cho tác thể thẩm định;

- Kết cấu (Composition): Chỉ ra các trường nghĩa về tính cân bằng (Balance) và mức độ phức tạp (Complexity) của bị thể thẩm định;

- Giá trị (Valuation): Chỉ ra trường nghĩa về giá trị, tính có / không có lợi ích của bị thể thẩm định.

2.2. Phản xét (Judgment)

Trong phạm trù Phản xét (Judgment), ngôn ngữ thể hiện thái độ đánh giá về các hành vi và cá tính của con người bằng cách quy chiếu vào một hệ thống chuẩn mực xã hội được quy ước hóa hoặc thiết chế hóa. Phạm trù này liên quan đến các thái độ nhận xét về một hành vi ứng xử: Ái mộ hoặc chỉ trích, ca ngợi hoặc lên án một cá nhân nào đó và hành vi của họ (Social esteem > < Social sanction).

Các giá trị này được thể hiện cụ thể ở Hình 1.

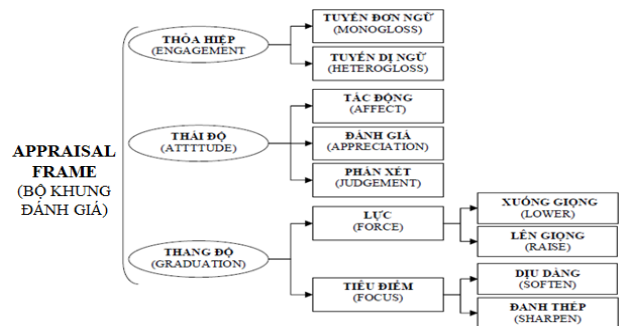
Các loại phản xét này mang ý nghĩa tích cực hoặc tiêu cực và được thể hiện trong văn bản dưới hai hình thức hiển ngôn và hàm ngôn.

Giá trị phản xét, đánh giá có thể được mã hóa trong một bộ khung gồm:

- Tác thể thẩm định (TTTĐ): Hay tác thể của cảm xúc – là người hoặc vật có lý trí, nêu thái độ và chính kiến;

- Bị thể thẩm định (BTTĐ): Là người hoặc vật bị / được đánh giá / phản xét;

- Chi tiết thẩm định (CTTĐ): Đơn vị từ vựng mang chức năng đánh giá, phản xét.



Hình 1. Khung đánh giá ngôn ngữ [1, tr.38]

3. Giải quyết vấn đề

3.1. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp mô tả, phân tích định tính, dữ liệu định lượng được dùng như các thành tố cho việc khảo sát, phân tích, diễn giải về tần suất sử dụng các ngôn ngữ phản xét, đánh giá dưới hình thức hiển ngôn và hàm ngôn.

3.2. Ngữ liệu nghiên cứu

Bình luận là thể loại có phạm vi các vấn đề được đề cập rất rộng ở tất cả mọi lĩnh vực trong đời sống xã hội. Đó là các sự kiện điển hình có tính cấp thiết, là sự kiện nóng được công chúng đặc biệt quan tâm. Ở đây, tác giả tập trung khảo sát các văn bản bình luận thuộc sự kiện - thời sự trong xã hội. Nguồn tư liệu gồm 70 bài bình luận tiếng Việt (độ dài 600 - 700 từ) và 70 bài bình luận tiếng Anh (độ dài 700 - 800 từ) có chứa các mẫu ngôn ngữ đánh giá lần lượt được lựa chọn từ các thời báo có uy tín như: Chuyên mục “Sự kiện và Bình luận” của báo Lao Động (LĐ); “Cùng suy ngẫm”, “Bình luận” của báo Nhân dân (ND); “Thời sự và suy nghĩ” của báo Tuổi trẻ (TT); chuyên mục “Op-Ed” contributors (bình luận của cộng tác viên) của Washington Post và The New York Times (TNNT). Tác giả khảo sát các bài bình luận trên báo trong khoảng thời gian từ tháng 01/ 2016 đến tháng 10/ 2018.

4. Kết quả nghiên cứu và bình luận

Kết quả cho thấy, ngôn ngữ đánh giá, phản xét có thể biểu hiện dưới hai hình thức là văn bản biểu thái hiển ngôn và dấu hiệu biểu thái hàm ngôn, ở các phạm trù ngữ nghĩa chuyên biệt với cả hai mặt ý nghĩa tích cực (+) và tiêu cực (-).

4.1. Đặc điểm ngữ nghĩa của ngôn ngữ đánh giá hiển ngôn

Trong trường hợp này, giá trị đánh giá được nhận diện thông qua các hiển ngôn, thể hiện rõ ràng thái độ của tác thể thẩm định (người đánh giá). Xét về ngôn ngữ mang giá trị đánh giá các sự kiện trong xã hội, kết quả khảo sát, phân tích cho thấy, phạm trù đánh giá trong các văn bản bình luận về xã hội trên báo tiếng Việt và tiếng Anh thể hiện các trường nghĩa phản ứng (reaction), kết cấu (composition) và thẩm định giá trị (valuation). Xét các ví dụ:

(1) ... Một sự kiện thể thao tầm cỡ châu lục nhưng không một đài truyền hình nào trong nước có bản quyền,

khiến hàng triệu người dân VN phải xem lậu trên các kênh mạng xã hội. Nhiều người cho rằng, đây là **một nỗi xấu hổ** lớn chưa từng có trong chuyện vi phạm bản quyền ở nước ta (TT, 8/ 2018).

(2) “... Đăk Nong của một thời không chỉ “bát ngát lâm trường”, mà còn bát ngát những cánh rừng tự nhiên. Nhưng từ khi tỉnh này tái lập (năm 2004), rất nhiều cánh rừng tự nhiên đã biến mất. Cùng với phá rừng lấy gỗ và đốt rừng làm rẫy là nạn xâu xé đất rừng diễn ra rất **khốc liệt** trên những vùng đất mới” (TT, 7/2018).

Trong hai ví dụ trên, người đọc có thể dễ dàng nhận ra, thái độ đánh giá phê phán của tác thể thẩm định thông qua việc sử dụng các văn bản biểu thái mang tính hiền ngôn. Cụ thể hơn, bằng cách sử dụng cụm danh từ “một nỗi xấu hổ” ở ví dụ (1) khi đánh giá bị thể thẩm định - sự việc vi phạm bản quyền xem lậu các trận tranh cúp bóng đá quan trọng trên các kênh mạng xã hội, tác thể thẩm định đã bày tỏ sự phê phán tiêu cực về các vấn đề xã hội, dẫn đến một tư tưởng xấu hổ trong phạm trù Reaction – Quality. Tương tự, qua tính từ “*khốc liệt*” ở ví dụ (2), tác giả chỉ ra thái độ đánh giá tiêu cực về bị thể thẩm định là “*nạn xâu xé đất rừng*”.

Trong văn bản bình luận xã hội ở báo tiếng Anh, ngôn ngữ mang giá trị đánh giá cũng được xem xét trên ba bình diện ngữ nghĩa thuộc phạm trù này. Xét các ví dụ sau:

(3) At the same time, users can share “promoted posts” - targeted messages that advertisers pay Facebook to place in their feeds - merging pay-for-play content with the natural flow of information among friends and family. It’s **a powerful combination** (TNYT, 9/2017).

(4) The pedestrian strand fronting New York’s Metropolitan Museum of Art was once a motley of fountains, old trees, vendors of artsy ephemera and street performers. In recent years, it has become a **tidier, drier** place, with rows of **oversize** awnings and **undersize** trees - called, after its patron (TNYT, 9/2017).

Ở ví dụ (3), tính từ “powerful” mang giá trị kết cấu cân bằng (composition) của bị thể thẩm định, thể hiện thái độ đánh giá tích cực, tán dương sự kết hợp hoàn hảo của các chức năng trong Facebook. Sang ví dụ (4), người viết thể hiện công khai sự đánh giá tích cực về những chuyển biến theo chiều hướng tốt đẹp của bị thể thẩm định New York’s Metropolitan Museum of Art bằng cách sử dụng các tính từ ở thang độ (graduation) so sánh hơn “*tidier, drier*” và “*oversize, undersize*”.

Bảng phân tích các thành phần ngôn ngữ đánh giá được thể hiện ở Bảng 1.

Bảng 1. Ngôn ngữ mang chức năng đánh giá trong văn bản bình luận về xã hội ở báo chí tiếng Việt và tiếng Anh

VD	CTTB	TTTB	BTTB	ngĩa
(1)	một nỗi xấu hổ	Người viết, dư luận	việc vi phạm bản quyền	(-)
(2)	khốc liệt	Người viết	nạn xâu xé đất rừng	(-)

(3)	a powerful combination	Writer Tác giả	Process of using Facebook	(+)
(4)	tidier, drier, oversize	Writer Tác giả	New York’s Metropolitan Museum of Art	(+)

4.2. Đặc điểm ngữ nghĩa của ngôn ngữ đánh giá hàm ngôn

Một phần các văn bản bình luận về xã hội trên báo chí tiếng Việt và tiếng Anh có chức năng đánh giá, không được thể hiện một cách hiển ngôn mà được hiểu thông qua các dấu hiệu hàm ngôn. Để kết luận nó là lời đánh giá tích cực hay tiêu cực, người đọc thường phải dựa vào ngữ cảnh của diễn ngôn và suy diễn ra ý nghĩa mà nó hàm ý. Xem xét các ví dụ về thái độ được phân tích:

(5) Hám thành tích là **một căn bệnh nan y** của nước mình, mà có lẽ mỗi mình Bộ GD-ĐT không đủ sức để giải quyết dứt điểm. Nạn báo cáo láo để có thành tích tràn lan khắp nơi, ... (TT, 7/2018).

(6) Mỗi tỉnh thành chỉ có một công ty xổ số kiến thiết, nhưng đó thật sự là “**mỏ vàng**” (LD, 5/ 2017).

Ta thấy, ví dụ (5) chỉ ra thái độ đánh giá tiêu cực nhưng được thể hiện bằng các dấu hiệu biểu thái, với ngôn ngữ châm biếm sâu sắc các hiện tượng tiêu cực trong xã hội và sự suy đồi về nhân cách của con người. Cụ thể là, ở ví dụ (5), từ ý nghĩa cụm danh từ “*một căn bệnh nan y*”, độc giả có thể hiểu được tính chất nguy hiểm, hiểu được tình trạng mất kiểm soát của vấn nạn chạy theo thành tích trong giáo dục và chưa thể tìm ra giải pháp triển để để chấm dứt vấn nạn trên. Đồng thời nó cũng đã thể hiện quan điểm phê phán của tác thể thẩm định với bị thể thẩm định. Ngược lại, ví dụ (6) bày tỏ thái độ đánh giá tích cực đối với một sự kiện xã hội là hoạt động của ngành xổ số kiến thiết, được thể hiện bằng danh từ “*mỏ vàng*” thể hiện sự đánh giá đề cao về giá trị (valuation) của bị thể thẩm định.

Đặt trong ngữ cảnh so sánh, các bài bình luận về xã hội trong báo chí tiếng Anh cũng sử dụng các phương tiện hàm ngôn như vậy. Xét các ví dụ sau:

(7) ... But many others, including progressives and feminists who are no fans of the Trump administration, **tentatively clapped their hands** (TNYT, 8/2017).

(8) While it does help us communicate and stay in touch, it also does much more: **Facebook has become the go-to site for anyone hoping to reach a big audience** - whether to sell shoes or to sell politics, and it’s become profitable by doing so (TNYT, 9/2017).

Trong ví dụ (7), đặt câu văn này trong ngữ cảnh của văn bản, ta thấy dự luật California’s Sexual Assault Law chính là bị thể thẩm định, và thông qua việc sử dụng cụm diễn đạt “*tentatively clapped their hands*”, tác giả hàm ý ủng hộ, tán thưởng những thay đổi trong dự luật này. Sang ví dụ (8), từ câu văn với các cụm diễn đạt “*become the go-to site, hoping to reach a big audience*” đã thể hiện thái độ tán thưởng, lạc quan về sự phát triển vượt bậc và tầm ảnh hưởng của mạng xã hội Facebook – một công cụ được sử dụng rộng rãi trong xã hội, một nội dung xuất

hiện rất nhiều trong các văn bản báo chí.

Để tiêu kết cho bình diện ngữ nghĩa của ngôn ngữ đánh giá hàm ngôn, ta thấy trong một số trường hợp, việc sử dụng các danh ngữ, tính ngữ, hay động từ chỉ cho một đối tượng hành động này đã góp phần thể hiện quan điểm của tác thể thẩm định, nhưng trong phần lớn các trường hợp thì hàm ngôn được kích hoạt dựa trên việc sử dụng cả một đơn vị câu đầy đủ ý nghĩa.

4.3. Đặc điểm ngữ nghĩa của ngôn ngữ phán xét hiển ngôn

Như đã đề cập ở phần cơ sở lý thuyết, phán xét liên quan đến các thái độ xét về một hành vi ứng xử. Kết quả khảo sát, phân tích cho thấy phạm trù phán xét trong các văn bản bình luận về xã hội trên báo tiếng Việt và tiếng Anh bao gồm các phạm trù con xét về khả năng, kiên trì dựa trên các chuẩn mực về nhận thức và năng lực của con người, cùng với nhóm phán xét tính chân thật và khuôn phép dựa trên các chuẩn mực đạo đức được xã hội quy ước. Việc sử dụng các hành động tạo ngôn gắn liền với một giá trị biểu thị thái độ (sự phán xét tích cực hoặc tiêu cực) thể hiện trong văn bản ở hình thức hiển ngôn. Kết quả phân tích và khảo sát cho thấy, gần hai phần ba các mẫu văn bản bình luận về xã hội trong báo chí tiếng Việt và tiếng Anh chứa các giá trị đánh giá, phán xét biểu thái và hiển ngôn. Ví dụ như:

(9) “... Hiện nay không ít nhà giáo **đang đơn độc, bươn chải** trên bục giảng – thực trạng này thì giáo dục **khó mà đổi mới thành công**” (TT, 7/2017).

(10) Thời gian qua, người bệnh cần morphine giảm đau đã **rối bời** khi nhà thuốc không bán (vì chưa có thông tư hướng dẫn cấp chứng nhận cho cơ sở kinh doanh thuốc phải kiểm soát đặc biệt) (TT, 7/2018).

Trong ví dụ (9), tính từ “*đơn độc*”, động từ “*bươn chải*” một lần nữa thể hiện tác thể thẩm định, thể hiện niềm cảm thông bị thể thẩm định “các nhà giáo” trước áp lực với cuộc sống thực tại và những chính sách quy định không hợp lý của Bộ Giáo dục. Còn ở ví dụ (10), khi đánh giá hành vi con người theo một số chuẩn tắc, qua việc sử dụng tính từ “*rối bời*”, người viết thể hiện thái độ tiêu cực đối với các bị thể thẩm định ở các phạm trù khả năng (capacity).

Ở các văn bản bình luận xã hội trong bài báo tiếng Anh, các hiển ngôn mang chức năng phán xét cũng được người viết báo sử dụng để thể hiện lập trường, quan điểm của mình trước các vấn đề xã hội. Xét các ví dụ:

(11) For members of the middle class, on the other hand, kids are **an expense** (TNYT, 9/2017).

(12) On a Twitter post, Mayor Lyda Krewson labeled protesters alleged to have committed property damage downtown as “criminals.” Her and Mr. O’Toole’s willingness to speak out so emphatically against people who break windows, but not against police officers who **kill citizens**, is enraging for those of us in the black community and for our allies (TNYT, 9/2017).

Ở ví dụ (11), qua danh từ định danh “*expense*” (chi phí), người đọc nhận ra sự phán xét tiêu cực khi bị thể

thẩm định *kids* – *những đứa trẻ* bị cho là những đối tượng gây ra sự tiêu tốn khi phải đầu tư cho chúng dưới quan điểm của những gia đình có mức thu nhập trung bình. Xét ví dụ (12), giá trị phán xét “*khả năng*” và “*khuôn phép đạo đức*” tiếp tục được đề cập. Qua động từ chỉ hành động “*kill citizens*” người đọc có thể hiểu được sự lạm dụng về quyền lực của giới chức cảnh sát, nhận diện sự phê phán của người viết về thái độ hống hách, chuyên quyền, đi trái lại với các khuôn phép đạo đức nghề nghiệp mà xã hội đã thiết chế hóa.

Chi tiết các thành phần trong bộ khung đánh giá thể hiện ở Bảng 2.

Bảng 2. Phán xét hiển ngôn trong văn bản bình luận về xã hội trong báo tiếng Việt và tiếng Anh

VD	CTTĐ	TTTĐ	BTTĐ	nghĩa
(9)	đơn độc, bươn chải	Người viết	Nhà giáo	(+)
(10)	rối bời	người viết	người bệnh	(-)
(11)	an expense	Members of the middle class	Kids (những đứa trẻ)	(-)
(12)	kill citizens	writer	police officers	(-)

4.4. Đặc điểm ngữ nghĩa của ngôn ngữ phán xét hàm ngôn

Tương tự như giá trị đánh giá, giá trị phán xét được nhận diện thông qua các hàm ngôn. Xem xét các ví dụ sau:

(13) Lòng tự trọng và e ngại thụ hưởng của công đó **có để tìm thấy** trong những viên chức đang ngồi trên những chiếc ô tô cao cấp không? (LĐ, 2/2016).

(14) Thế mới biết người Việt chúng ta thật **chịu chơi**. Một vị tổng giám đốc có thể cá cược bóng đá lên tới 1,8 triệu USD. Số tiền này theo cách làm của nhiều địa phương hiện nay thì có thể xây dựng được gần 1.000 ngôi nhà tình nghĩa (TT, 1/2016).

Tương tự ở ví dụ (6), bị thể thẩm định là “*những viên chức*” bị chỉ trích, phê phán khi đánh mất lòng tự trọng và chỉ biết thụ hưởng. Nhưng tác giả lại sử dụng cách nói ngược theo kiểu những tính tốt có để tìm thấy trong họ. Khi đánh giá hành vi con người theo một số chuẩn tắc, qua việc sử dụng tính từ “*chịu chơi*” người viết thể hiện thái độ chỉ trích đối với các bị thể thẩm định ở các phạm trù giá trị khuôn phép (propriety).

Tương tự, ngôn ngữ phán xét hàm ngôn được sử dụng khá thuần thực trong các văn bản bình luận xã hội ở báo tiếng Anh. Xét ví dụ:

(15) At a news conference, Lawrence O’Toole, the acting police commissioner for the city of St. Louis, proclaimed that “**police owned tonight**”. This is the kind of “leadership” that forces people of color and poor people into survival mode in this region (TNYT, 9/2017).

(16) Mr. Trump has spent his career in the company of developers and celebrities, and also of grifters, cons, sharks, goons and crooks”. The Times editorial board writes. “**He cuts corners, he lies, he cheats, he brags about it, and for the most part, he’s gotten away with it, protected by threats of litigation,**

hush money and his own bravado”. But, as the headline of that piece bluntly puts it: “The law is coming, Mr. Trump”.

Ở hai ví dụ trên, giá trị phán xét ‘khả năng’ và ‘khuôn phép đạo đức’ tiếp tục được đề cập. Qua động từ chỉ hành động “owned tonight” người đọc có thể hiểu được sự lạm dụng về quyền lực của giới chức cảnh sát, nhận diện sự phê phán của người viết về thái độ hống hách, chuyên quyền, đi trái lại với các khuôn phép đạo đức nghề nghiệp mà xã hội đã thiết chế hóa. Chuyển sang câu văn ở ví dụ (16), một chuỗi các động từ chỉ hành động chỉ trích những hành vi thái độ không được cộng đồng chấp nhận của vị lãnh đạo một cường quốc.

Trong tổng số 140 bài bình luận tiếng Việt và tiếng Anh, kết quả phân tích cho thấy, có 820 trường hợp chứa ngôn ngữ mang giá trị đánh giá, phán xét. Gần hai phần ba số lượng các giá trị phán xét này được thể hiện ở hình thức hiển ngôn. Điều đó cho thấy, tác giả có khuynh hướng thể hiện công khai các quan điểm thái độ của mình trước những hành vi, thái độ ứng xử của các đối tượng trong xã hội, giúp người đọc hiểu và lĩnh hội văn bản một cách dễ dàng hơn.

Bảng 3. Tần suất sử dụng các hiển ngôn và hàm ngôn mang giá trị đánh giá và phán xét

Ngôn ngữ ĐG và PX	Hiển ngôn	Tỉ lệ	Hàm ngôn	Tỉ lệ	Tổng
Tiếng Anh	295	68,6%	135	31,4%	430
Tiếng Việt	269	68,9%	121	31,1%	390

4.5. Đặc điểm từ vựng của lời văn bình luận diễn đạt giá trị đánh giá và phán xét

Về đặc điểm từ vựng, các giá trị phán xét và đánh giá được nhận diện thông qua các ngữ danh từ, ngữ tính từ, và động từ. Ngoài ra, khi xét các giá trị đánh giá và phát xét hàm ngôn, đơn vị câu cũng được sử dụng để kích hoạt hàm ngôn. Ví dụ minh chứng ở Bảng 5.

Bảng 5. Tần suất các loại từ/ ngữ mang giá trị đánh giá, phán xét

Từ vựng	VD tiếng Việt	Số lượng	VD tiếng Anh	Số lượng
Ngữ danh từ	nội dung thiết thực, so sánh khắp khiêng, kẻ bạo loạn....	105	a greater extent, utter shock, a dare, a dirty word....	117
Ngữ tính từ	tham nhũng, ích kỉ, bất thường, cân bằng, ngu ngốc..	235	successful, unusual, unclear, simple, silly, helpful...	249
Động từ	Chiếm đoạt, gian lận, thâm tóm, coi thường....	98	cheat, deceive, determine,	103
Câu	Lòng tự trọng và e ngại thụ hưởng của công đó có dễ tìm thấy trong những viên chức đang ngồi trên những chiếc ô tô cao cấp không?	87	Facebook has become the go-to site for anyone hoping to reach a big audience. - whether to sell shoes or to sell politics, and it's become profitable by doing so.	79

4.6. Các điểm tương đồng và dị biệt trong ngôn ngữ bình luận ở báo chí tiếng Việt và tiếng Anh

4.6.1. Tương đồng

- Ngôn ngữ bình luận mang chức năng đánh giá, phán xét được sử dụng một cách nhuần nhuyễn trong cả các văn bản tiếng Việt và tiếng Anh.

- Những ý kiến, nhận định chủ quan của tác giả khi phân tích, nghị luận, miêu tả, ... được diễn tả qua lời hành văn theo kiểu độc thoại nội tâm ở cả hai ngôn ngữ Việt và Anh. Vì thế, ta có thể nhận thấy hầu hết tác thể thẩm định được xác định là “Người viết”.

- Ở cả hai ngôn ngữ Anh và Việt, các giá trị phán xét và đánh giá được nhận diện thông qua các ngữ danh từ, ngữ tính từ, và động từ. Bên cạnh đó, để kích hoạt diễn đạt hàm ngôn, đơn vị câu cũng được sử dụng.

- Nội dung trong các bài bình luận về xã hội trong tiếng Việt và tiếng Anh đều có kết hợp hai yếu tố: Thông tin về sự kiện khách quan và quan điểm chủ kiến của tác giả.

- Ngôn ngữ đánh giá và phán xét sử dụng trong các bài bình luận đều có tác dụng, chức năng như một vũ khí sắc bén để làm tăng tính hấp dẫn của thể loại này.

4.6.2. Dị biệt

Trong phạm vi các mẫu dữ liệu được lựa chọn ngẫu nhiên để khảo sát và phân tích, kết quả định lượng cho thấy mật độ ngôn ngữ mang tính đánh giá, phán xét được sử dụng trong văn bản bình luận tiếng Anh nhiều hơn. Cụ thể như đã đề cập trong Mục 4.5, khi so sánh về tần suất từ loại được sử dụng thể hiện chức năng đánh giá và phán xét, số lượng từ vựng tiếng Anh cao hơn, đặc biệt là tính từ tiếng Anh được sử dụng nhiều hơn. Thêm vào đó, cùng một thể loại bình luận, với độ dài văn bản có sự chênh lệch cụ thể, tác giả thấy rằng văn bản tiếng Anh sử dụng lối hành văn hàm ngôn có tính miêu tả chi tiết, thể hiện tính biểu thái, trong khi văn bản bình luận tiếng Việt có tính ngắn gọn, súc tích và hiển ngôn.

5. Kết luận

Nhìn chung, các giá trị đánh giá và phán xét trong văn bản bình luận xã hội trên báo chí tiếng Việt và tiếng Anh như vừa được phân tích ở trên, đã phản ánh phần nào cách sử dụng ngôn ngữ rất sắc sảo của người viết báo khi muốn truyền tải thái độ, tư tưởng của mình cũng như truyền tải lại quan điểm của cộng đồng. Từ những kết quả nghiên cứu, tác giả đưa ra các kết luận:

- Các văn bản biểu thái mang giá trị đánh giá và phán xét được sử dụng phần lớn trong bài bình luận trên cả báo chí tiếng Việt và tiếng Anh;

- Về mặt ngữ nghĩa, giá trị phán xét có các giá trị cụ thể hơn theo các trường nghĩa lần lượt là khả năng, kiên trì, chân thật, và khuôn phép. Trong khi nhóm giá trị đánh giá lại tập trung phần lớn vào phản ứng, kết cấu và giá trị;

- Về đặc điểm từ vựng nhận diện, phần lớn các ngữ tính từ mang giá trị đánh giá và phán xét, theo sau đó là các ngữ danh từ và động từ;

- Trên phương diện tương đồng và dị biệt của hai ngôn ngữ Việt và Anh, tác giả nhận thấy mặc dù cả hai ngôn

ngữ đều biểu thị hiện ngôn và hàm ngôn tất cả các giá trị đánh giá và phân xét, nhưng tần xuất sử dụng các đơn vị từ vựng, câu trong văn bản tiếng Anh nhiều hơn, phản ánh sự đánh giá vấn đề chi tiết hơn.

Vì một số hạn chế về thời gian và năng lực nên kết quả nghiên cứu không thể tránh khỏi những thiếu sót, tác giả mong bài nghiên cứu đóng góp phần nào giúp người học và người dạy có thể nắm vững và phân biệt cách sử dụng ngôn ngữ đánh giá và phân xét. Sử dụng chúng một cách hữu ích vào quá trình dạy và học ngôn ngữ.

Lời cảm ơn: Nghiên cứu này được tài trợ bởi Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ - Đại học Đà Nẵng trong đề tài có mã số B2017-ĐN05-11.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Martin, J. R. and White, P. R. R., *The Language of Evaluation: Appraisal in English*, Palgrave, London, (2005).
- [2] Rothery, J. & Stenglin, M., "Interpreting Literature: The Role of Appraisal", *Researching Language in Schools and Functional Linguistic Perspectives*, Unsworth, L. (Ed.), Cassell, London, (2000), pp. 222-244.
- [3] Neviarouskaya, E., Predinger, H. and Ishizuka, M. (2010), "Recognition of Affect, Judgment and Appreciation in Text", *Proceedings of the 23rd International Conference on Computational Linguistics, COLIG (2010)*, pp. 806-814.
- [4] Nguyễn Văn Khôi, *A study of proclaim marker in English and Vietnamese*, Luận văn thạc sĩ ngành Ngôn ngữ Anh, Đại học Đà Nẵng, (2006).
- [5] Trần Thị Ly, *An investigation into the category attitude in English and Vietnamese articles warning against childhood epidemics from the perspective of appraisal theory*, Luận văn Thạc sĩ ngành Ngôn ngữ Anh, Đại học Đà Nẵng, (2015).
- [6] Nguyễn Hồng Sao, *So sánh ngôn ngữ báo chí tiếng Việt và tiếng Anh qua một số thể loại*, Luận án Tiến sĩ ngành Ngôn ngữ học so sánh-đối chiếu, Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh, (2010).
- [7] Huỳnh Thị Chuyên, *Ngôn ngữ bình luận trong báo in tiếng Việt hiện nay*, Luận án Tiến sĩ chưa xuất bản, Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội, Việt Nam, (2014).
- [8] Halliday, M. A. K., *An introduction to functional grammar*, (3rd Ed.), Hodder Arnold, London, (2004).

(BBT nhận bài: 05/8/2019, hoàn tất thủ tục phân biên: 25/02/2020)